CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Dịch vụ kỹ thuật PTSC Thanh Hóa

Ngày 31/12/2025	8,600 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-8.5%	-	-

DT thuần
Q4/25
487
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 106| 27.9%
YoY: ▲ 180| 58.7%

LN thuần
Q4/25
9.63
tỷ VNĐ
QoQ: ▼3.97| -29.2%
YoY: ▲ 4.16| 76.1%

LN sau thuế
Q4/25
9.07
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.68| -6.9%
YoY: ▲ 1.15| 14.6%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
3.4%
YoY: +/-▼ 0.4%

ROE
2025
6.2%
YoY: +/-▼ 0.7%

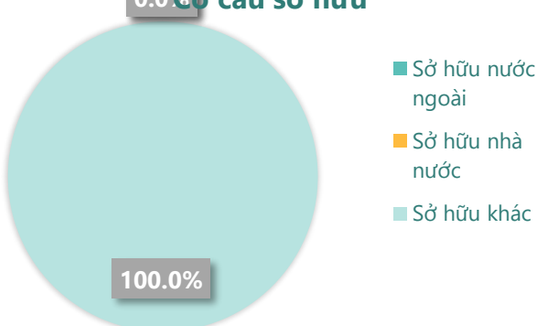
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	8,000 - 12,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	344
Số lượng CPLH (CP)	40,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	20
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.06
EPS	846
P/E	10.2

DT thuần
2025
1,384
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 187| 15.6%

LN thuần
2025
44.5
tỷ VNĐ
YoY: ▼1.10| -2.4%

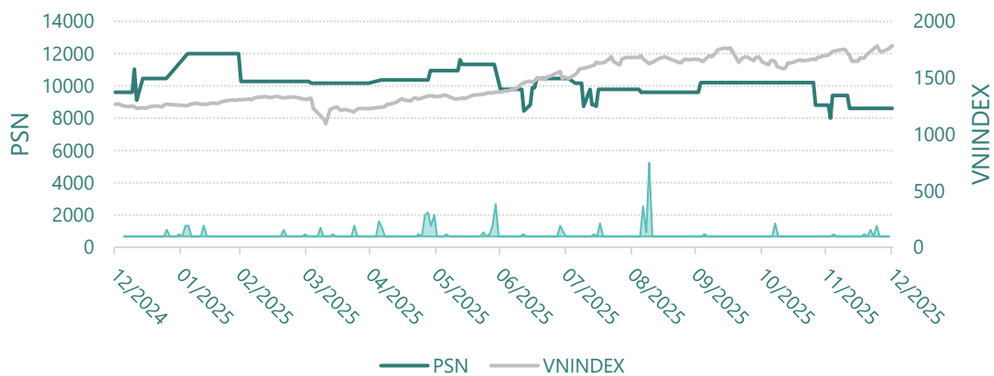
LN sau thuế
2025
33.8
tỷ VNĐ
YoY: ▼3.30| -8.9%

Cơ cấu sở hữu

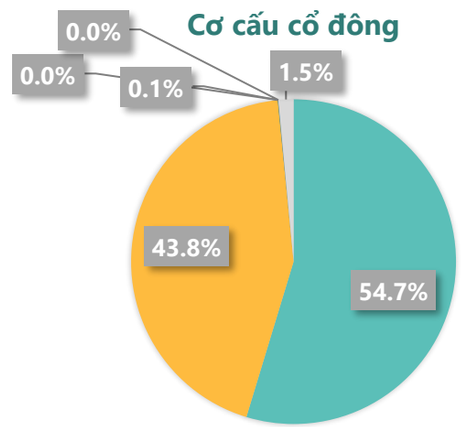


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

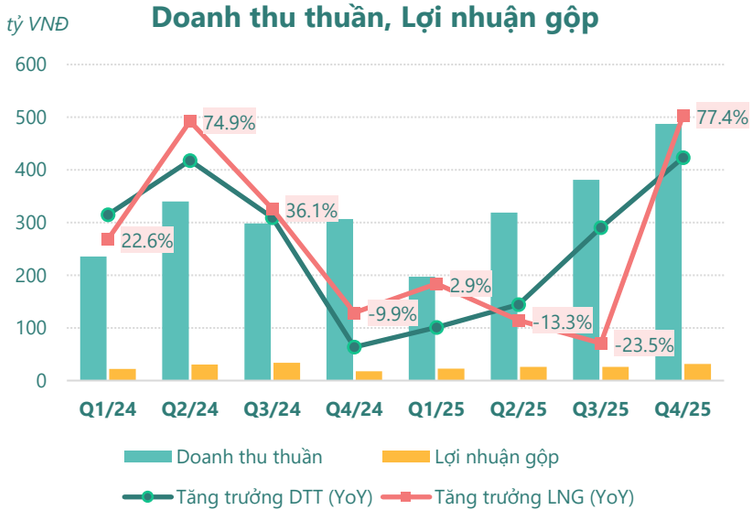


- Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam
- Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc Gia Việt Nam
- Tô Ngọc Thụ
- Nguyễn Bá Tuấn (Phó Giám đốc)
- Lê Văn Ngà (Chủ tịch HĐQT)
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

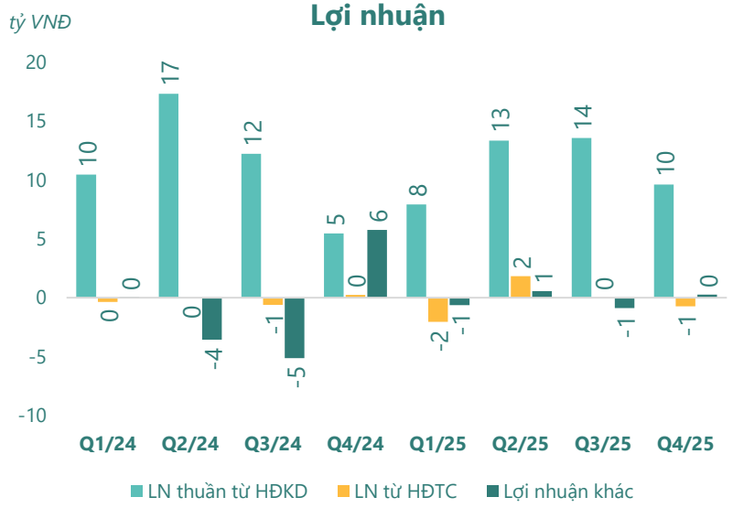
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



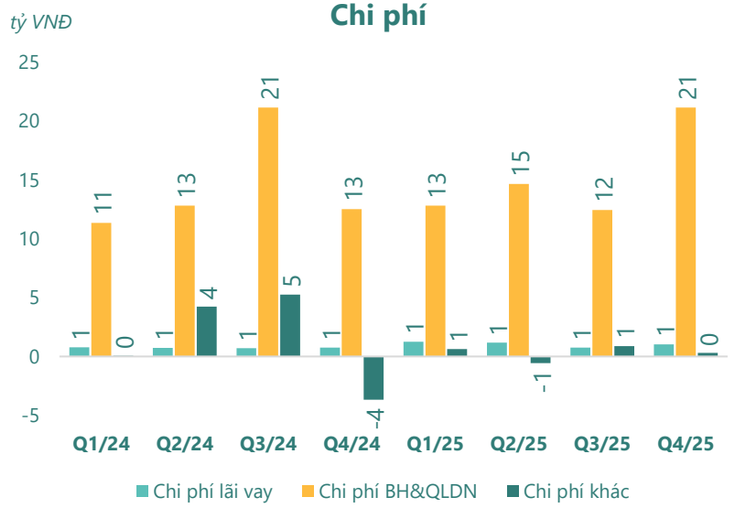
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



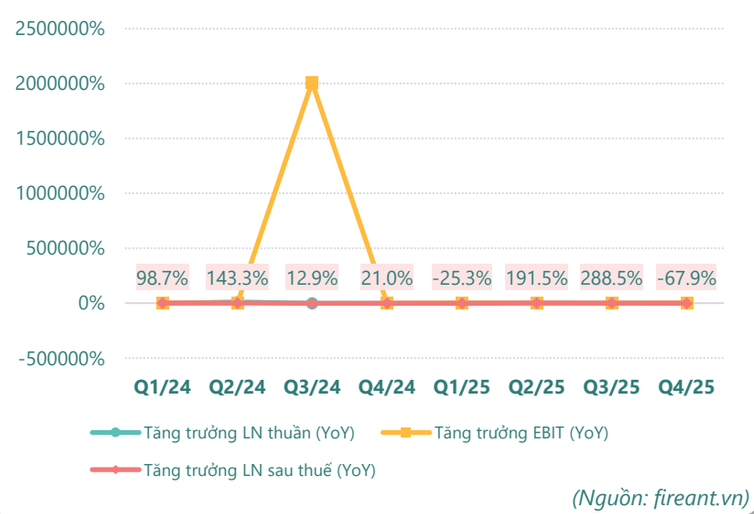
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



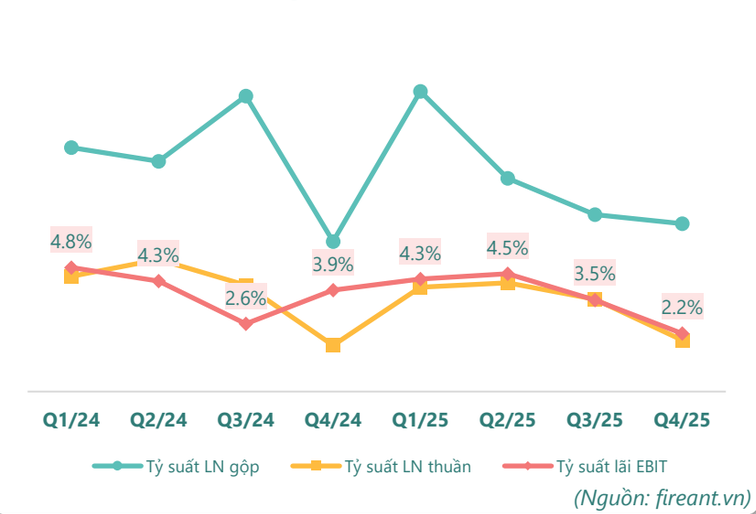
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



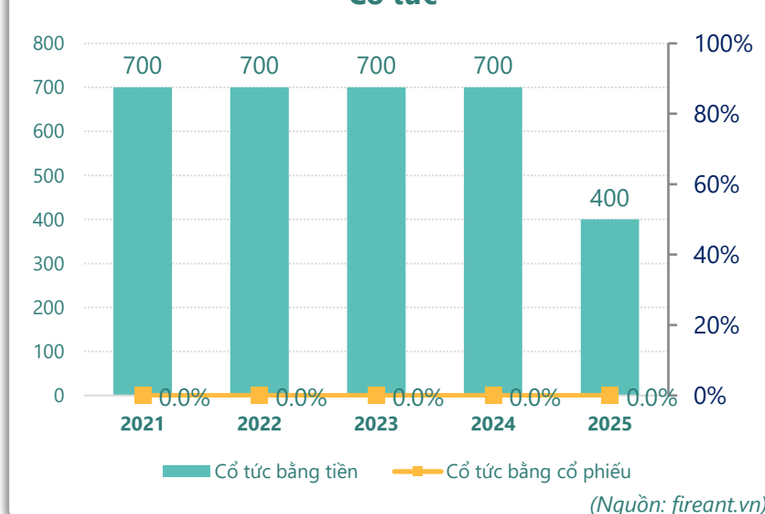
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

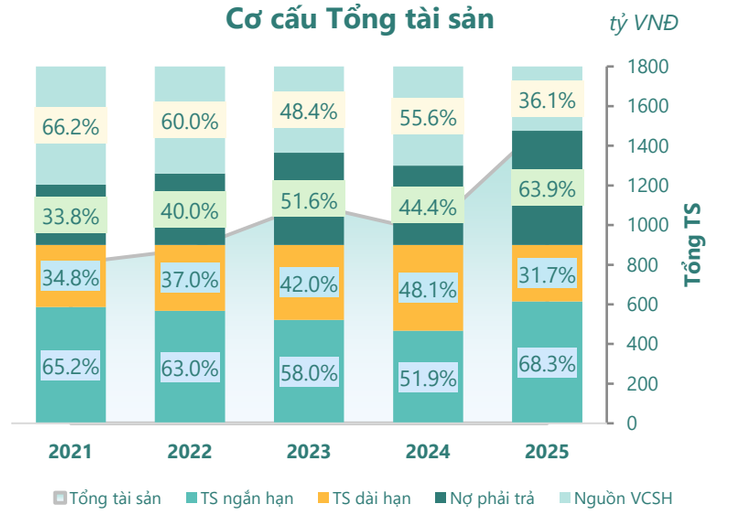
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

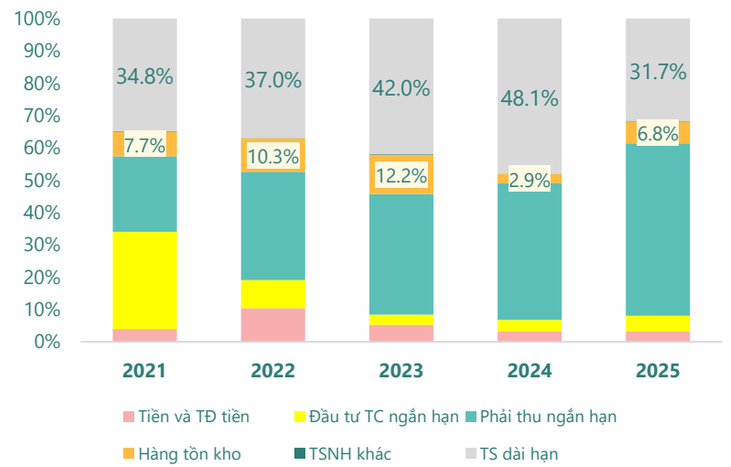
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



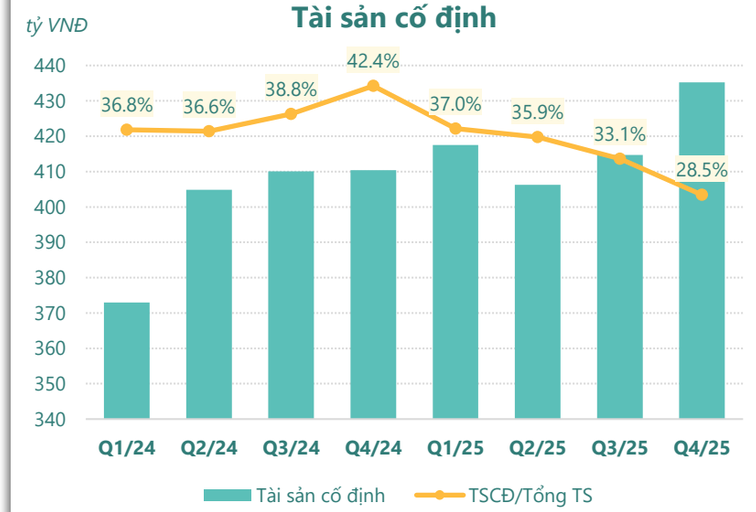
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



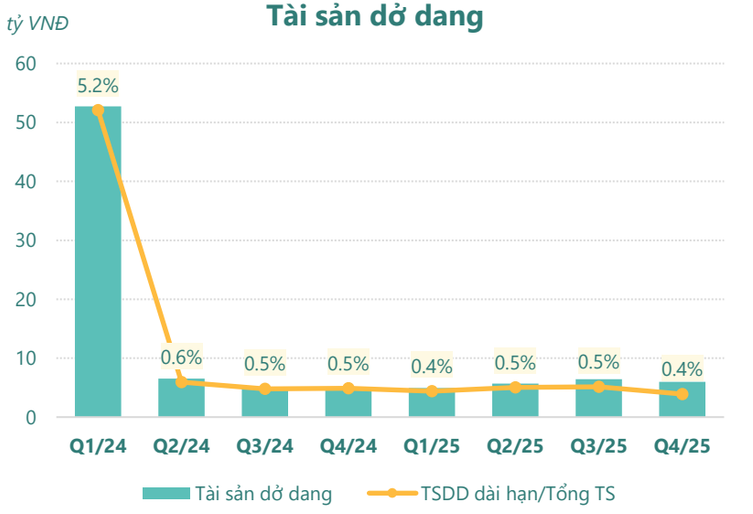
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



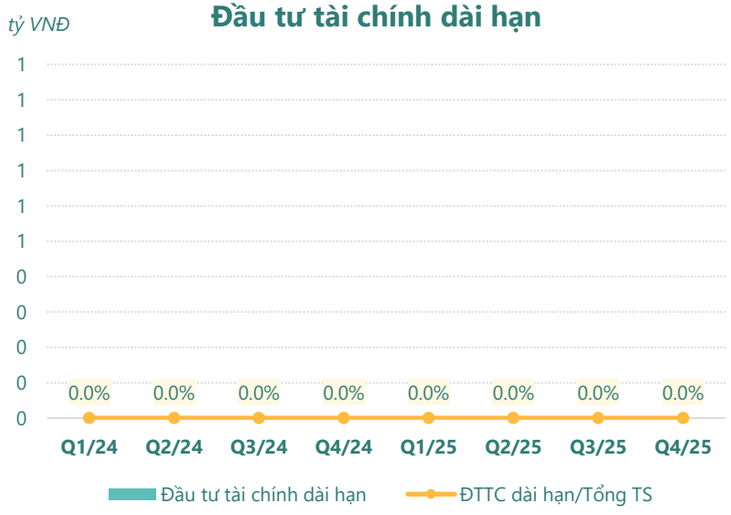
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



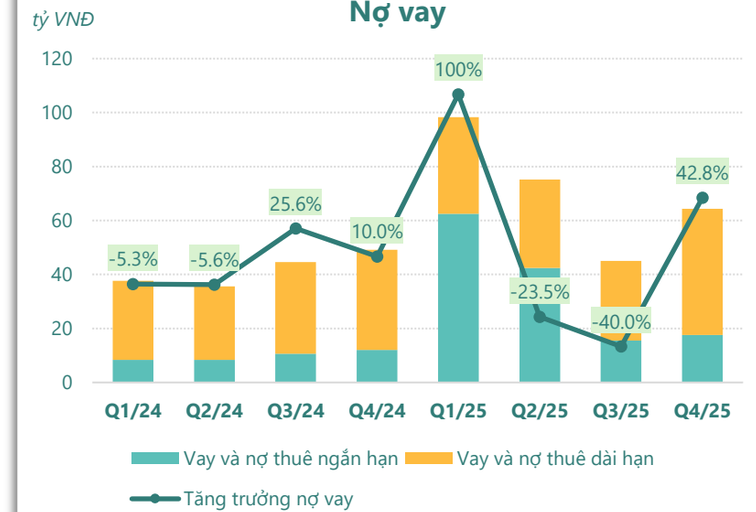
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

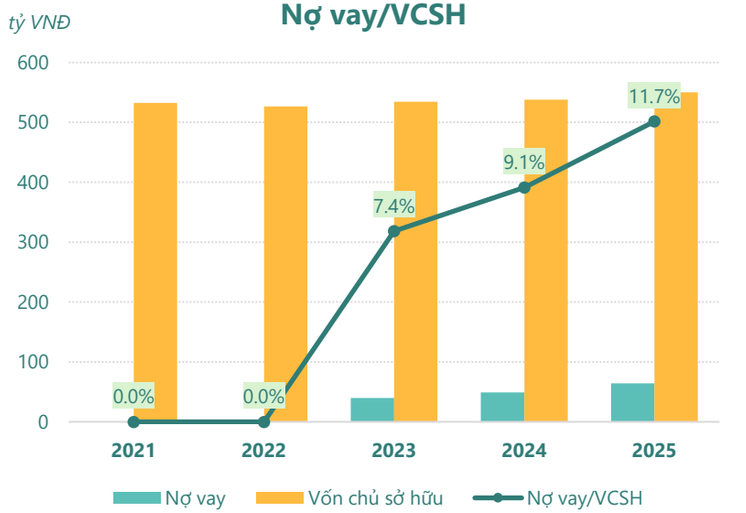
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

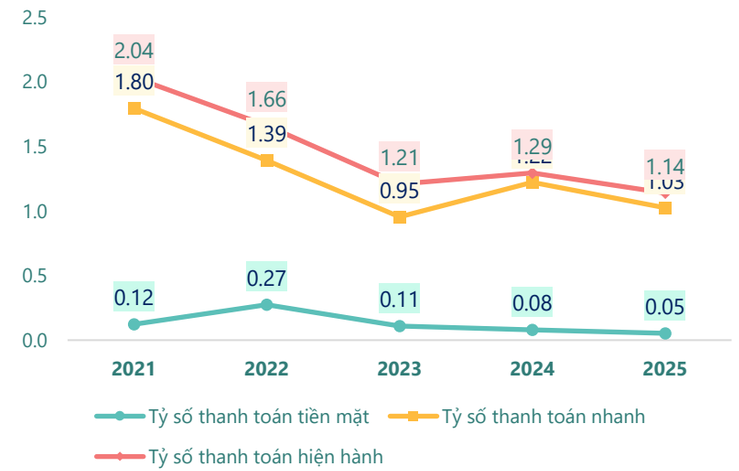
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



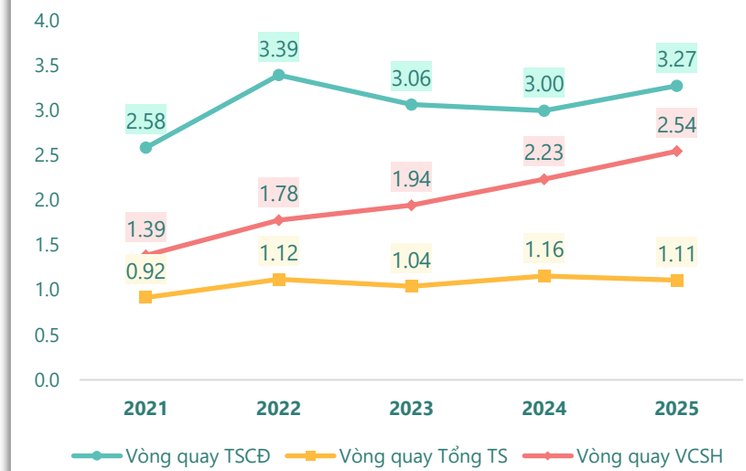
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



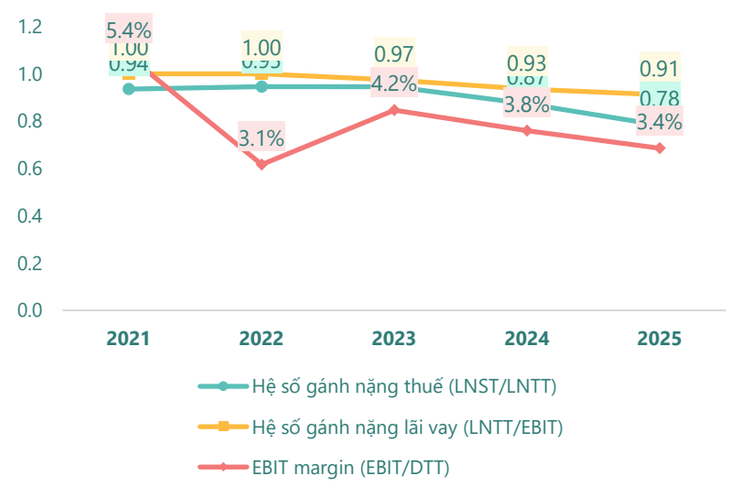
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



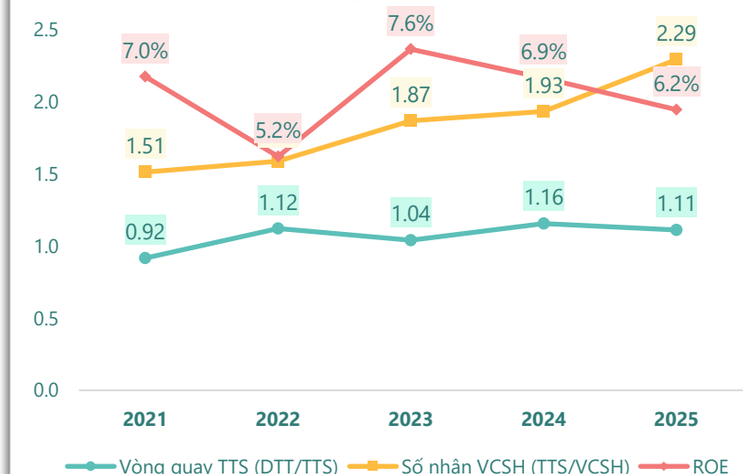
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



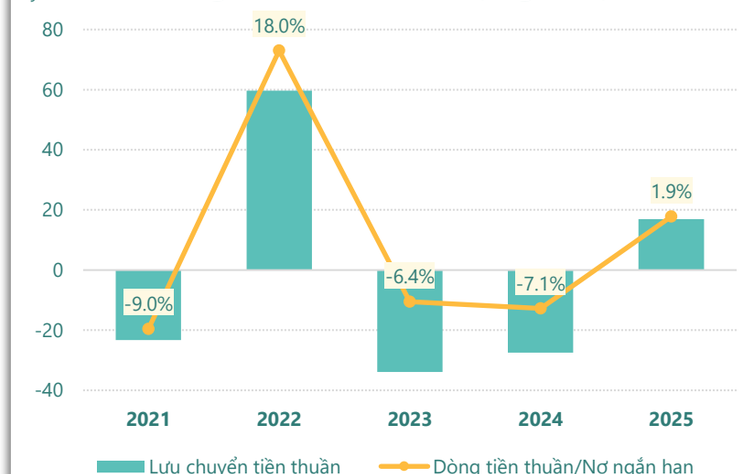
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**487**	**307**	**58.7%**	**1,384**	**1,197**	**15.6%**
Giá vốn hàng bán	456	289	57.7%	1,278	1,081	18.2%
Lợi nhuận gộp	31.5	17.8	77.1%	107	116	-8.3%
Doanh thu HĐTC	3.00	1.04	189%	6.88	2.30	199%
Chi phí TC	3.73	0.81	361%	7.82	3.07	155%
Chi phí lãi vay	1.02	0.76	34.3%	4.19	2.96	41.5%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**21.2**	**12.5**	**69.4%**	**61.1**	**69.9**	**-12.6%**
LN thuần từ HĐKD	9.63	5.47	76.1%	44.5	45.6	-2.4%
Lợi nhuận khác	**0.25**	**5.77**	**-95.6%**	**-0.70**	**-3.08**	**77.2%**
LN trước thuế	9.88	11.2	-11.7%	43.2	42.5	1.7%
Lợi nhuận sau thuế	**9.07**	**7.92**	**14.6%**	**33.8**	**37.1**	**-8.9%**
LNST của CĐ cty mẹ	**9.07**	**7.92**	**14.6%**	**33.8**	**37.1**	**-8.9%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-12.3	-2.28	40.1	44.6	167	-137
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-11.0	29.8	-86.4	-5.02	-65.5	60.3
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	9.09	-23.5	49.2	-23.1	-30.1	3.32
Tiền đầu kỳ	40.9	26.7	30.9	33.7	50.7	122
Lưu chuyển tiền thuần	**-14.2**	**3.98**	**2.85**	**16.5**	**71.2**	**-73.6**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.02	0.21	-0.04	0.52	0.14	0.00
Tiền cuối kỳ	26.7	30.9	33.7	50.7	122	48.4

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,526**	**968**	**57.6%**
Tài sản ngắn hạn	1,043	503	107%
Tiền và tương đương tiền	48.4	30.9	56.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	73.8	34.9	111%
Phải thu ngắn hạn	814	409	99.2%
Hàng tồn kho	104	27.7	276%
Tài sản ngắn hạn khác	2.00	0.59	238%
Tài sản dài hạn	**483**	**465**	**3.9%**
Phải thu dài hạn	3.37	3.37	0.0%
Tài sản cố định	435	410	6.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	5.97	4.94	20.7%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**38.5**	**46.3**	**-17.0%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	976	430	127%
Nợ ngắn hạn	**914**	**388**	**135%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	17.6	12.0	46.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	375	212	77.1%
Nợ dài hạn	61.2	41.8	46.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	46.8	37.1	26.2%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**550**	**538**	**2.3%**
Vốn chủ sở hữu	**550**	**538**	**2.3%**
Vốn điều lệ	400	400	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)